

**SAO KÊ TÀI KHOẢN**  
**ACCOUNT STATEMENT**

Tên tài khoản/Account name: CONG TY CO PHAN THU HANG FOOD VIET NAM Ngày thực hiện/ Date: 12/04/2022

Số tài khoản/Account number: 1021136654

Chi nhánh thực hiện/ Branch: VCB TAN BINH-PGD LY THUONG KIET

Loại tài khoản/Type of Account: Tài khoản I chủ sở hữu/ Sole owner account

Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản/ Number of Joint account holder (nếu có):

Địa chỉ/ Address: SO 306 TO 1 PHO PHU VIEN BO DE LONG BIENHA NOI

CMND/CCCD/Hộ chiếu số 0108501717

ID/Citizen ID/PP No:

CIF: 22407519

Loại tiền/Currency: VND

Từ/ From: 01/01/2022 Đến/ To: 11/04/2022

Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 317.342.370

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
1	04/01/2022 5056.74139	12.932.700		304.409.670	IBVCB.0401220823005001.thanh toan cho cty NHONHO
2	04/01/2022 5058.97252	33.620.900		270.788.770	IBVCB.0401220029117002.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY AN VIET
3	06/01/2022 5058.28628	52.458.660		218.330.110	IBVCB.0601220660473001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY AN VIET.
4	06/01/2022 5058.35934	14.721.100		203.609.010	IBVCB.0601220038597002.THANH TOAN 50% CHO CTY TAN QUANG
5	07/01/2022 10.15		1.500.000.000	1.703.609.010	NGOC THOM TT TIEN HANG T12.2021 (THANH TOAN 1 PHAN TRONG HOA DON SO 0000106)
6	07/01/2022 5058.58139	21.020.900		1.682.588.110	IBVCB.0701220574867001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY AN VIET.
7	07/01/2022 5058.64227	365.453.490		1.317.134.620	IBVCB.0701220747495002.THANH TOAN TIEN HANG CHO LE THI LY THANG 12
8	08/01/2022 9915.37955	55.000		1.317.079.620	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU DONG THANG 12/2021. SDT: 0917823679. So tien 55000 VND
9	08/01/2022 5056.86804	37.507.700		1.279.571.920	IBVCB.0801221010059001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TAY VINH



Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
10	08/01/2022 5058.86830	21.020.900		1.258.551.020	IBVCB.0801220266171002.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY AN VIET.
11	08/01/2022 5056.88887	820.007.700		438.543.320	IBVCB.0801220982563003.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM
12	10/01/2022 10.10		1.500.000.000	1.938.543.320	CT NGOC THOM TT TIEN HANG T12.2021 (TT 1 PHAN TRONG HD SO 1)
13	10/01/2022 5056.4746	807.700		1.937.735.620	IBVCB.1001220576975001.thanh toan hoa don so 1045
14	10/01/2022 5056.5633	1.500.007.700		437.727.920	IBVCB.1001220821015002.thanh toan tien hang cho cty ngoc thom
15	11/01/2022 5058.33299	13.990.900		423.737.020	IBVCB.1101220619161001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY MUA XUAN
16	11/01/2022 5058.33363	156.027.740		267.709.280	IBVCB.1101220917421002.THANH TOAN TIEN HANG CTY BINH MINH
17	11/01/2022 9917.89541	110.000		267.599.280	THU PHI DUY TRI DỊCH VỤ VCB IBANKING NAM 2021. SO TIEN 110000 VND
18	11/01/2022 5058.47329	1.989.900		265.609.380	IBVCB.1101220513579003.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY MUA XUAN
19	12/01/2022 26.1003		1.969.000	267.578.380	IBPS/SE:01201004.DD:120122.SH:10005 583.TC:5058.47329.dd 110122 MSGNO: CO220111200119 BO:CNDONG HA NOI - HOI SO.CHUYEN TRA LCC 10010794 N 11.01.22 DO SAI STK DVH
20	12/01/2022 26.1125		13.970.000	281.548.380	IBPS/SE:01201004.DD:120122.SH:10005 580.TC:5058.33299.dd 110122 MSGNO: CO220111168694 BO:CNDONG HA NOI - HOI SO.CHUYEN TRA LCC 10007301 N 11.01.22 DO SAI STK DVH
21	13/01/2022 5058.92408	15.959.900		265.588.480	IBVCB.1301220512789001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY MUA XUAN
22	15/01/2022 5056.52955	96.007.700		169.580.780	IBVCB.1501220750445001.THANH TOAN HD SO 0008496
23	15/01/2022 5058.53880	14.020.900		155.559.880	IBVCB.1501220856529002.THANH TOAN HD SO 000000017
24	17/01/2022 5056.68607	37.507.700		118.052.180	IBVCB.1701220003575001.THANH TOAN DON HANG CHO CTY TAY VINH
25	18/01/2022 5056.99489	37.507.700		80.544.480	IBVCB.1801220450513001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TAY VINH
26	18/01/2022 5056.99912		1.000.000.000	1.080.544.480	IBVCB.1801220412947001.thanh toan tien hang cho cty THU HANG.

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

TT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
27	18/01/2022 5056.9687	85.955.100		994.589.380	IBVCB.1801220895129002.THANH TOAN 2 HOA DON SO 8698 VA 8632 CTY LIKSIN
28	18/01/2022 5065.23323	625.942.652		368.646.728	NTDT+KB:0016-KBNN Long Bien - Ha Noi+NgàyNT:18012022+MST:01085017 17+DBHC:004HH+TKNS:7111+CQT:10 62153+LThuê:01(C:754-TM:1701-KT:00 /11/2021-ST:625942652-GChu:Nop thuê GTGT tháng 11/2021)
29	18/01/2022 5058.28592	64.731.060		303.915.668	IBVCB.1801220665533003.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY AN VIET.
30	19/01/2022 5058.54328	430.650		303.485.018	IBVCB.1901220674041001.THANH TOAN CON LAI CTY THANH DAT
31	20/01/2022 5058.60927	22.031.900		281.453.118	IBVCB.2001220916311001.THANH TOAN THEO HD SO 00000016
32	20/01/2022 5182.69458	88.032.912		193.420.206	IBVCB.2001220442547002.EVN.JE..PD1 4000160195.TienDien;MaHD:12568414 82;KyHD:122021
33	20/01/2022 5058.77605	33.596.258		159.823.948	IBVCB.2001220766935003.THANH TOAN TIEN NUOC MA : GLC0000504
34	21/01/2022 5058.16006	34.420.900		125.403.048	IBVCB.2101220804451001.THANH TOAN TIEN HANG CTY TIEN DAT
35	22/01/2022 5056.28061		1.900.000.000	2.025.403.048	IBVCB.2201220468141001.thanh toan tien hang cho THU HANG.
36	22/01/2022 5058.28461	310.561.235		1.714.841.813	IBVCB.2201220332885001.THANH TOAN TIEN HANG CHO LE THI LY .
37	22/01/2022 5056.27531	189.357.300		1.525.484.513	IBVCB.2201220390161002.thanh toan 2 HD so 3725 va 3813
38	22/01/2022 5058.28538	4.270.900		1.521.213.613	IBVCB.2201220578553003.THANH TOAN HD SO 121.
39	22/01/2022 5056.27648	332.447.700		1.188.765.913	IBVCB.2201220235553004.thanh toan tien hang cho cty DINH HUONG MOI
40	22/01/2022 5058.29022	15.560.900		1.173.205.013	IBVCB.2201220710461005.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY KIM SON
41	25/01/2022 9401.1021136654	22.000		1.173.183.013	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
42	25/01/2022 9702.1021136654		57.897	1.173.240.910	INTEREST PAYMENT
43	26/01/2022 5058.38072	266.243.923		906.996.987	IBVCB.2601220668579001.TAT TOAN MUA MAY NAM 2021
44	26/01/2022 5058.40860	210.899.293		696.097.694	IBVCB.2601220607039002.THANH TOAN HD SO 0002579
45	26/01/2022 5058.42202	281.066.368		415.031.326	IBVCB.2601220489091003.THANH TOAN TIEN HANG THANG 1 CHO CTY ANPHACHEM

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
46	26/01/2022 5056.43758		500.000.000	915.031.326	IBVCB.2601220220903001.thanh toan tien hang cho cty THU HANG.
47	26/01/2022 5056.46901	475.759.900		439.271.426	IBVCB.2601220258491004.thanh toan tien hang thang 1 cho cty BAO BI LIKSIN
48	27/01/2022 5065.8802	3.000.000		436.271.426	NTDT+KB:0016-KBNN Long Bien - Ha Noi+NgayNT:27012022+MST:01085017 17+DBHC:004HH+TKNS:7111+CQT:10 62153+LThuc:01(C:754-TM:2862-KT:00 /CN/2022-ST:3000000-GChu:Nop thuc mon bai Cty Nam 2022)
49	27/01/2022 10.236		1.500.000.000	1.936.271.426	NGOCTHOM TT TIEN HANG T01.2022 (TT 1 PHAN TRONG HD SO 1)
50	27/01/2022 5056.2781	1.000.007.700		936.263.726	IBVCB.2701220431171001.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM
51	27/01/2022 5058.3312	14.800.900		921.462.826	IBVCB.2701220042359002.THANH TOAN 50% CON LAI CTY DIEN TAN QUANG
52	29/01/2022 5056.57503	400.007.700		521.455.126	IBVCB.2901220904493001.thanh toan tien hang cho cty ngoc thom
53	29/01/2022 5058.67015	32.486.900		488.968.226	IBVCB.2901220486051002.TAT TOAN THIT THANG 1/22
54	29/01/2022 5058.67036	50.345.900		438.622.326	IBVCB.2901221044771003.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY 3S
55	14/02/2022 5058.66928	21.860.900		416.761.426	IBVCB.1402220250929001.THANH TOAN HD SO 0116480
56	14/02/2022 5058.71324	21.858.500		394.902.926	IBVCB.1402220732885002.THANH TOAN DON HANG CHO CTY MUA XUAN
57	17/02/2022 5058.41205	51.421.710		343.481.216	IBVCB.1702220106785001.THANH TOAN HD SO 496-CTY TIEN DAT
58	19/02/2022 9915.35217	55.000		343.426.216	THU PHI DICH VU SMS CHU DONG THANG 01/2022. SDT: 0917823679. So tien 55000 VND
59	23/02/2022 5056.62733		2.000.000.000	2.343.426.216	IBVCB.2302220524057001.ngoc thom thanh toan tien hang cho cty thu hang
60	24/02/2022 5182.73964	145.410.276		2.198.015.940	IBVCB.2402220148777001.EVN.JE..PD1 4000160195.TienDien;MaHD:12599031 13;KyHD:012022
61	24/02/2022 5058.73151	26.008.177		2.172.007.763	IBVCB.2402220688033002.THU HANG THANH TOAN MA KH:GLC0000504
62	24/02/2022 5058.74498	93.008.900		2.078.998.863	IBVCB.2402220403453003.THANH TOAN DON HANG CTY BINH MINH
63	24/02/2022 5056.74965	338.417.700		1.740.581.163	IBVCB.2402220331033004.thanh thoan cong no cu thang 1/2022 cty DINH HUONG

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
64	24/02/2022 5058.76165	228.362.524		1.512.218.639	IBVCB.2402220998289005.THANH TOAN 2 HD SO 555 VA 518
65	24/02/2022 5065.28249	681.477.569		830.741.070	NTDT+KB:0016-KBNN Long Bien - Ha Noi+NgayNT:24022022+MST:01085017 17+DBHC:004HH+TKNS:7111+CQT:10 62153+LThue:01(C:754-TM:1701-KT:00 /12/2021-ST:681477569-GChu:Nop thue GTGT thang 12/2021)
66	24/02/2022 5056.76366	207.367.700		623.373.370	IBVCB.2402220541513006.thanh toan hd so 0009213 CTY LIKSIN
67	25/02/2022 5056.86159	51.232.700		572.140.670	IBVCB.2502220459499001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TAY VINH
68	25/02/2022 9402.1021136654	22.000		572.118.670	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
69	25/02/2022 9703.1021136654		91.428	572.210.098	INTEREST PAYMENT
70	28/02/2022 5056.44469	370.882.700		201.327.398	IBVCB.2802220464015001.thanh toan tien hang cho cty DINH HUONG MOI
71	28/02/2022 5058.44540	62.520.900		138.806.498	IBVCB.2802220175079002.THANH TOAN TIEN HANG THANG CHO CTY ANPHACHEM
72	28/02/2022 5058.47833	4.270.900		134.535.598	IBVCB.2802220559423003.THANH TOAN HD SO 0000318
73	28/02/2022 5058.50324	34.689.170		99.846.428	IBVCB.2802220829403004.THANH TOAN HD SO 593-CTY TIEN DAT
74	28/02/2022 5056.55773		1.000.000.000	1.099.846.428	IBVCB.2802220438323001.ngoc thom thanh toan tien hang cho cty thu hang
75	28/02/2022 5058.58926	255.063.078		844.783.350	IBVCB.2802220326423005.THANH TOAN TIEN HANG THANG 2 CHO -LE THI LY ( NHUNG LE)
76	28/02/2022 5058.74269	36.195.500		808.587.850	IBVCB.2802220277001006.THANH TOAN HD SO 0002757 -CTY MY LAN
77	01/03/2022 5058.93221	16.190.900		792.396.950	IBVCB.0103220423323001.THANH TOAN HD THANG 11/2021 SO 0002068
78	01/03/2022 5056.98514	291.484.580		500.912.370	IBVCB.0103220645167002.thanh toan 3 hd cho cty MEYER THANG 2-2022
79	01/03/2022 5058.4445	22.700.900		478.211.470	IBVCB.0103220414719003.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY MUA XUAN
80	01/03/2022 5058.8479	22.700.900		455.510.570	IBVCB.0103220064929004.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY MUA XUAN
81	01/03/2022 134.1403		22.680.000	478.190.570	IBPS/SE:01201004.DD:010322.SH:10020 200.TC:5058.4445.dd 010322 MSGNO: CO220301418943 BO:CNDONG HA NOI - HOI SO.CHUYEN TRA LCC 10011412 01032022DO SAI STK DVH

098-C  
 HAN  
 T NAM  
 BINH  
 DICH  
 KIET  
 HO CHI MINH

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
82	04/03/2022 5058.87247	114.594.430		363.596.140	IBVCB.0403220055925001.THANH TOAN HD SO 641 -TIEN DAT
83	04/03/2022 5058.87964	884.900		362.711.240	IBVCB.0403220350537002.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY MUA XUAN
84	07/03/2022 5058.34836	35.961.680		326.749.560	IBVCB.0703220706235001.THANH TOAN HD SO 689-TEN DAT
85	07/03/2022 5057.89768	60.819.479		265.930.081	IBVCB.0703220326547002.+BHXH+103+00+TD4388D+00104+Dong BHXH+
86	09/03/2022 5058.72269	99.708.920		166.221.161	IBVCB.0903220656129001.THANH TOAN TIEN HANG CTY RED FOODS
87	15/03/2022 5056.16392	28.707.700		137.513.461	IBVCB.1503220492933001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TAY VINH
88	16/03/2022 5058.45231	100.020.900		37.492.561	IBVCB.1603220127407001.THANH TOAN TIEN HANG THANG 3
89	17/03/2022 9915.21230	55.000		37.437.561	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHỦ ĐÓNG THANG 02/2022. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND
90	17/03/2022 5056.55755		500.000.000	537.437.561	IBVCB.1703220977005002.ngoc thom thanh toan tien hang cho cty thu hang
91	17/03/2022 5058.56120	39.020.900		498.416.661	IBVCB.1703220699985001.THANH TOAN HD SO 761-TIEN DAT
92	17/03/2022 5056.47964	273.780.140		224.636.521	IBVCB.1703220704085002.THANH TOAN HD SO 9553-LIKSIN
93	17/03/2022 5056.58244	96.007.700		128.628.821	IBVCB.1703220160465003.THANH TOAN TIEN HANG CTY BA DINH
94	18/03/2022 5058.73858	5.411.700		123.217.121	IBVCB.1803220466997001.thanh toan tien VAT -cty QUANG NGA
95	19/03/2022 5056.790	28.357.700		94.859.421	IBVCB.1903220549759001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TAY VINH
96	19/03/2022 5058.822	15.140.900		79.718.521	IBVCB.1903220737231002.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY AN VIET.
97	19/03/2022 5058.3714	12.420.900		67.297.621	IBVCB.1903220706143003.THANH TOAN 3 HD SO : 446-468-482
98	22/03/2022 5056.42336	24.007.700		43.289.921	IBVCB.2203220948237001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TAY VINH
99	22/03/2022 5056.44903		346.021.000	389.310.921	IBVCB.2203220397767001.thanh toan tien hang cho THU HANG.
100	22/03/2022 5058.46013	345.788.156		43.522.765	IBVCB.2203220579347002.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TIEN DAT
101	23/03/2022 5056.70225		300.000.000	343.522.765	IBVCB.2303220458231001.ngoc thom thanh toan tien hang cho cty thu hang

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
102	23/03/2022 5058.74558	106.390.100		237.132.665	IBVCB.2303220536027001.THANH TOAN HD SO 47-CTY BINH MINH
103	24/03/2022 5056.93323	29.407.700		207.724.965	IBVCB.2403220816069001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TAY VINH
104	24/03/2022 5182.77902	76.556.923		131.168.042	IBVCB.2403220995391002.EVN.JE..PD1 4000160195.TienDien;MaHD:12629403 92;KyHD:022022
105	24/03/2022 5058.3260	29.383.478		101.784.564	IBVCB.2403220366745003.MA KHACH HANG GLC0000504
106	25/03/2022 9401.1021136654	22.000		101.762.564	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
107	25/03/2022 9702.1021136654		41.580	101.804.144	INTEREST PAYMENT
108	26/03/2022 5056.53373	52.927.700		48.876.444	IBVCB.2603220147181001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TAY VINH
109	26/03/2022 5058.56270	18.020.900		30.855.544	IBVCB.2603220176903002.THANH TOAN HD SO 1492 -CTY 3S
110	28/03/2022 5056.64359		1.500.000.000	1.530.855.544	IBVCB.2803220478881001.thanh toan tien hang cho cty thu hang
111	28/03/2022 5058.68415	17.010.900		1.513.844.644	IBVCB.2803220746183001.THANH TOAN HD SO : 495,496517-CTY VMCGROUP VN
112	28/03/2022 5058.77558	88.761.300		1.425.083.344	IBVCB.2803220358299002.THANH TOAN HD SO 863- CTY TIEN DAT
113	28/03/2022 5065.25750	25.522.404		1.399.560.940	NTDT+KB:0016-KBNN Long Bien - Ha Noi+NgayNT:28032022+MST:01085017 17+DBHC:004HH+TKNS:7111+CQT:10 62153+LThue:01(C:754-TM:1701-KT:00 /04/2021-ST:25522404-GChu:Nop thue GTGT thang 04/2021)
114	28/03/2022 5065.25776	912.180.991		487.379.949	NTDT+KB:0016-KBNN Long Bien - Ha Noi+NgayNT:28032022+MST:01085017 17+DBHC:004HH+TKNS:7111+CQT:10 62153+LThue:01(C:754-TM:1701-KT:00 /01/2022-ST:912180991-GChu:Nop thue GTGT thang 01/2022)
115	31/03/2022 5056.53910	290.967.927		196.412.022	IBVCB.3103220315681001.thanh toan hd so 523,524,613,293-cty DINH HUONG
116	31/03/2022 5058.54369	18.020.900		178.391.122	IBVCB.3103220607101002.THANH TOAN HD SO 581,589-CTY VMCGROUP
117	31/03/2022 5058.61947	32.017.150		146.373.972	IBVCB.3103221010887003.THANH TOAN HD SO 315,354,347,414 -CTY ANPHACHEM
118	31/03/2022 5056.75694	1.195.700		145.178.272	IBVCB.3103220130961004.THANH TOAN HD SO 4447-CTY MEYER

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
119	31/03/2022 5056.73487		500.000.000	645.178.272	IBVCB.3103220071545001.ngoc thom thanh toan tien hang cho cty thu hang
120	31/03/2022 5058.78861	323.039.793		322.138.479	IBVCB.3103220941709005.THANH TOAN TIEN HANG CHO LE THI LY .
121	04/04/2022 5056.45591	30.907.700		291.230.779	IBVCB.0404220670259001.thanh toan tien hang cty MINH THUYET TH

**Tổng số:** 14.110.942.496 14.084.830.905  
**Total**  
**Số dư cuối kỳ:** 291.230.779  
**Closing balance**

Xác nhận của ngân hàng/  
Bank's confirmation



*Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của Vietcombank!  
Thank you for using Vietcombank's services!*

**VIETCOMBANK - Chung niềm tin vững tương lai**  
**VIETCOMBANK - Together for the future**

\*\*\*\*\*

*Nguyễn Hoàng Bích Phương*

**Ghi chú:** Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm hiện tại hay trong tương lai đối với các nghĩa vụ của Khách hàng xác lập với bên thứ ba./.

**Note:** This letter of confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ensures accurate information at the time of confirmation as requested by the customer. This acknowledgment does not constitute any current or future guarantees of the customer's obligations confirmed to third parties./.